TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị B, sinh năm 1981 (có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1982 (Phạm Hồng Q, sinh năm 1981 – vắng mặt).

Cư trú: Khóm A, thị trấn V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2018 và trong quá trình giải quyết chị Lê Thị B trình bày: Vào năm 2001 chị và anh Phạm Hồng Q kết hôn, đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do chồng không quan tâm chăm sóc, không thương yêu vợ con, không hòa hợp trong lối sống nên chị và anh Phạm Hồng Q đã không còn chung sống từ khoảng năm 2012 cho đến nay. Xét

cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn và đoàn tụ nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hồng Q.

Về con chung: Có 02 người tên là Phạm Ngọc Tường K (giới tính nữ), sinh ngày 01/02/2003 và Phạm Ngọc Tuyết K (giới tính nữ), sinh ngày 29/12/2009. Nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Phạm Hồng Q cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2018 anh Q trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị B về thời gian kết hôn và không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị B trình bày. Xét cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh cũng thống nhất ly hôn với chị B.

Về con chung: Đúng như chị B trình bày, hiện con đang sống với chị B. Nay anh chấp nhận giao cho chị B nuôi dưỡng hai người con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Chị B và anh Q đều thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị B khởi kiện anh Phạm Hồng Q về ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Hồng Q đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng phiên tòa sơ thẩm hợp lệ, nhưng nay anh Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân, chị B và anh Q kết hôn, đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Q không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ đó, không công nhận chị B và anh Q là vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị B và anh Q thỏa thuận là chị B trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Ngọc Tường K và Phạm Ngọc Tuyết K. Đồng thời, hai người con chung đều có nguyện vọng sống với chị Bnên giao cho chị Btrực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị B không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị B và không trái pháp luật, nay xét ghi nhận là phù hợp.

[4] Chị B và anh Q xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân, không công nhận chị Lê Thị B và anh Phạm Hồng Q là vợ chồng.

2. Về con chung, giao cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Ngọc Tường K (giới tính nữ), sinh ngày 01/02/2003 và Phạm Ngọc Tuyết K (giới tính nữ), sinh ngày 29/12/2009. Anh Phạm Hồng Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Hồng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Lê Thị B chịu và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0007103 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Chị Lê Thị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *CCTHADS huyện Phú Tân;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đời